TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 12 – ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2026/DS-ST
Ngày: 29 - 4 - 2026
V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 12 – ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Đào

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Thận

Ông Trần Đức Hòa

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Ái Vi – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 12 – Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 - Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Dương Hoài Thảo – Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 4 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 12 - Đồng Nai mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 358/2025/TLST – DS ngày 29 tháng 12 năm 2025 về việc: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 148/2026/QĐST – DS ngày 20 tháng 3 năm 2026 giữa:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1980

Địa chỉ thường trú: Thôn 11, xã A, tỉnh Đồng Nai. (Vắng mặt)

Chỗ ở hiện nay: Số 665A Quốc lộ 14, tổ 6, phường B, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Đỗ Thanh Tr, sinh năm 1971.

Địa chỉ: Khu phố C, phường D, tỉnh Bình Phước. (Có mặt)

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Huy H, sinh năm 1989

Địa chỉ: Thôn 12, xã A, tỉnh Đồng Nai. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị N, người đại diện theo ủy quyền của bà N là ông Đỗ Thanh Tr trình bày:

Do có mối quan hệ bạn bè thân thiết nên vào ngày 24/10/2021, bà Nguyễn Thị N cho anh Nguyễn Huy H vay số tiền 100.000.000 đồng để anh H lấy vốn làm ăn. Khi vay thì hai bên có lập giấy vay tiền do anh H viết và ký tên, mặc dù trong giấy chỉ ghi lãi suất thỏa thuận (không ghi mức lãi suất cụ thể) và không ghi thời hạn trả nợ mà khi nào cần thì nói trước một tháng nhưng hai bên có thỏa thuận miệng lãi suất

là 02%/tháng, thời hạn trả nợ là 06 tháng.

Tuy nhiên, hết hạn anh H không trả tiền lãi và gốc. Mặc dù bà N nhiều lần yêu cầu anh H trả tiền nhưng anh H xin khất vì chưa bán được đất thì được bà N đồng ý. Tới ngày 24/02/2023, anh H tiếp tục vay thêm số tiền 20.000.000 đồng để trả lãi cho bạn. Khi vay, anh H cũng tự viết giấy vay tiền và ký tên, thỏa thuận miệng với nhau từ 07 đến 10 ngày thì anh H sẽ trả số tiền vay 20.000.000 đồng cùng số tiền gốc vay trước đó 100.000.000 đồng và khoản tiền lãi của số tiền này; đối với số tiền 20.000.000đồng vay ngày 24/02/2023 thì không thỏa thuận lãi suất. Tới hẹn, anh H không thực hiện nghĩa vụ trả tiền gốc và tiền lãi theo thỏa thuận; bà N đã nhiều gặp và gọi điện, nhắn tin yêu cầu anh H trả tiền nhưng anh H vẫn khất nợ. Tới ngày 08/12/2025 thì anh H tuyên bố không trả tiền và hủy liên lạc với bà N.

Do anh H vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận nên bà N yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh Nguyễn Huy H phải trả cho bà N tổng số tiền vay gốc là 120.000.000 đồng và tiền lãi của số tiền 120.000.000 đồng vay ngày 24/10/2021 và ngày 24/02/2023 tạm tính từ ngày vay đến ngày khởi kiện 09/12/2025 với mức lãi suất 0,83%/tháng là 46.646.000đồng.

Bị đơn anh Nguyễn Huy H mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án và không có ý kiến phản hồi nên không có lời khai.

Tại phiên tòa: Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của bà N. Trước đây bà N yêu cầu khoản tiền lãi tạm tính từ ngày vay đến ngày 09/12/2025 là 46.646.000đồng; nay bà N yêu cầu anh H phải trả cho bà N thêm khoản tiền lãi từ ngày 10/12/2025 đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 29/4/2026) với mức lãi suất là 0,83% là 3.461.800 đồng. Đồng thời, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bổ sung yêu cầu khởi kiện, yêu cầu vợ của anh Nguyễn Huy H phải có nghĩa vụ liên đới cùng anh H trả khoản nợ gốc và lãi cho bà N theo quy định nhưng hiện nay không cung cấp được thông tin họ tên, năm sinh, nơi cư trú của vợ anh H.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12- Đồng Nai có quan điểm:

Về tố tụng: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét thực hiện đúng các quy định về tố tụng.

Quan điểm về hướng giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 26, 35, Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; căn cứ Điều 463, 466 và 468, 469 Bộ luật dân sự 2015; Nghị quyết 01/2019 ngày 11/01/2019 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị N. Buộc ông Nguyễn Huy H trả cho bà Nguyễn Thị N số tiền nợ gốc 120.000.000đồng theo Giấy vay tiền ngày 24/10/2021, ngày 24/02/2023 và tiền lãi suất 0,83%/tháng đối với số tiền nợ gốc 120.000.000 đồng kể từ ngày 02/11/2023 cho đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 29/4/2026).

Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào lời khai của đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn khởi kiện anh Nguyễn Huy H có hộ khẩu thường trú tại thôn 12, xã A, tỉnh Đồng Nai để yêu cầu anh H phải trả tổng số tiền vay gốc và khoản tiền lãi là 166.646.000 đồng. Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án dân sự về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản". Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 12 - Đồng Nai.

[2] Về điều kiện khởi kiện: Tại Giấy vay tiền ngày 24/10/2021 và ngày 24/02/2023 đều ghi nội dung khi nào bà N cần thì báo trước cho anh H một tháng. Phía nguyên đơn trình bày thời hạn trả nợ của số tiền vay ngày 24/10/2021 là 06 tháng và khoản vay ngày 24/02/2023 là từ 07 ngày đến 10 ngày nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh. Do đó, hợp đồng vay tiền theo giấy vay tiền ngày 24/10/2021 và ngày 24/02/2023 là hợp đồng vay không kỳ hạn theo quy định tại Điều 469 Bộ luật dân sự. Theo đó, bên cho vay có quyền đòi lại tài sản bất cứ lúc nào nhưng phải báo trước một thời gian hợp lý, trừ trường hợp có thỏa thuận khác. Bà N và anh H có thỏa thuận thông báo thời gian trả nợ là 01 tháng. Nội dung tin nhắn Zalo giữa bà N và anh H do phía nguyên đơn cung cấp (từ Bút lục 27 đến 31) thể hiện bà N yêu cầu anh H trả số tiền 120.000.000 vào ngày 01/11/2023. Như vậy, anh H đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận nên ngày 09/12/2025 bà N khởi kiện yêu cầu anh H phải trả khoản tiền đã vay là đủ điều kiện khởi kiện theo quy định.

[3] Về sự vắng mặt của bị đơn: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện việc cấp tống đạt các văn bản tố tụng theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự cho bị đơn anh Nguyễn Huy H. Tuy nhiên anh H vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn.

[4] Phía nguyên đơn trình bày ngày 24/10/2021, bà N có cho anh H vay số tiền 100.000.000 đồng, khi vay có làm giấy, có thỏa thuận lãi suất nhưng không ghi cụ thể mức lãi suất và thời hạn trả tiền vào giấy mà thỏa thuận miệng mức lãi suất 2%/tháng, thời hạn trả là 06 tháng. Tới ngày 24/02/2023, anh H tiếp tục vay bà N số tiền 20.000.000 đồng, do quan hệ quen biết thân thiết nên bà N tin tưởng cho anh H vay tiếp số tiền này. Khi vay, hai bên có lập giấy do anh H viết và ký tên, trong giấy không thỏa thuận mức lãi suất và thời hạn trả tiền nhưng có thỏa thuận miệng thời gian trả cả khoản tiền 100.000.000 đồng cùng lãi suất của số tiền này và số tiền vay 20.000.000 đồng là từ 07 ngày đến 10 ngày.

[5] Xét bản chính Giấy vay tiền ngày 24/10/2024 (Bút lục 23) mà phía nguyên đơn cung cấp thể hiện nội dung "*Tôi tên Nguyễn Huy H, SN:1989 có vay của chị Nguyễn Thị N số tiền 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng chẵn) với lãi suất thỏa thuận…"*. Tại mặt sau của Giấy vay tiền này có nội dung: " *Hôm nay ngày 24/02/2023 Tôi Nguyễn Huy H SN 1989 có mượn thêm của chị Nguyễn Thị N số tiền hai mươi triệu (20.000.000đ)…";* cả hai nội dung này đều có chữ ký xác nhận người mượn tiền Nguyễn Huy H. Tại nội dung tin nhắn zalo giữa bà N với anh H vào lúc 14 giờ 19 phút ngày 01/12/2023 (Bút lục 31) thể hiện: *"Vậy cái tiền 120tr em mượn của chị em*

cũng lo xoay cho chị đi. Chị thấy mà còn làm ăn để nuôi con của chị nữa…", anh H trả lời *"E giờ ko có khả năng chứ e ko bậy với chị"*. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt các văn bản tố tụng theo quy định cho anh H, tuy nhiên anh H không có ý kiến phản đối với khoản vay của bà N. Do đó, việc anh H vay bà N số tiền 100.000.000 đồng vào ngày 24/10/2021 và 20.000.000 đồng vào ngày 24/02/2023 là có thật. Hiện nay, anh H chưa trả cho bà N nên cần buộc anh H phải có nghĩa vụ trả cho bà N số tiền này.

[6] Về mức lãi suất: Theo lời trình bày của phía nguyên đơn thì bà N và anh H thỏa thuận lãi suất đối với khoản vay 100.000.000 đồng ngày 24/10/2021 và khoản vay ngày 24/02/2023 đều thỏa thuận miệng mức lãi suất là 02%/tháng. Tuy nhiên, bị đơn anh H vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, phía nguyên đơn không có tài liệu, chứng cứ chứng minh lời trình bày này nên không có căn cứ xác định mức lãi suất các bên đã thỏa thuận 2%/tháng nên mức lãi suất của hai khoản vay này được tính theo quy định tại khoản 4 Điều 466 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 là 10%/năm (tương đương 0,83%/tháng). Phía nguyên đơn yêu cầu mức lãi suất 0,83%/tháng là phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[7] Về thời gian tính lãi:

[7.1] Đối với Hợp đồng vay tài sản ngày 24/10/2021 và giữa các bên là hợp đồng vay không kỳ hạn và có lãi. Theo quy định tại khoản 2 Điều 5 của Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định về lãi, lãi suất, phạt vi phạm (viết tắt là Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao) thì trường hợp *"Hợp đồng vay có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả hoặc trả không đầy đủ thì lãi, lãi suất được xác định như sau: a) Lãi trên nợ gốc trong hạn chưa trả theo lãi suất thỏa thuận nhưng không vượt quá mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời hạn vay chưa trả lãi trên nợ gốc tại thời điểm xác lập hợp đồng. Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc trả lãi nhưng không xác định rõ lãi suất và có tranh chấp thì lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tại thời điểm trả nợ."*

[7.2] Đối với hợp đồng vay ngày 24/02/2023 giữa các bên là hợp đồng vay không kỳ hạn và không có lãi. Theo quy định tại khoản 1 Điều 5 của Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao trường hợp "*Hợp đồng vay không có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả nợ hoặc trả không đầy đủ thì theo yêu cầu của bên cho vay, Tòa án xác định bên vay phải trả tiền lãi trên nợ gốc quá hạn theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 trên số tiền chậm trả tại thời điểm trả nợ tương ứng với thời gian chậm trả nợ gốc, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc luật có quy định khác*"."

[7.3] Theo quy định tại khoản 3 Điều 6 của Nghị quyết 01/2029/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì thời giam chậm trả đối với hợp đồng vay không không kỳ hạn thì *"Thời gian chậm trả" hướng dẫn tại các điều 3, 4 và 5 Nghị quyết này được xác định như sau: a) Đối với hợp đồng vay không kỳ hạn thì thời gian chậm trả nợ gốc bắt đầu kể từ ngày tiếp theo liền kề của ngày hết "thời gian hợp lý" đến thời điểm xét xử sơ thẩm"*. Tại Giấy vay tiền

ngày 24/10/2021 và khoản vay ngày 24/02/2023 bà N và anh H thỏa thuận thời gian hợp lý là 01 tháng. Phía nguyên đơn chỉ cung cấp được tài liệu chứng minh thời gian bà N thông báo anh H trả nợ là ngày 01/11/2023 nên thời gian chậm trả được tính từ ngày 02/11/2023.

Do đó, Hội đồng xét xử chỉ chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với yêu cầu tính lãi từ ngày 02/11/2023 đến ngày xét xử sở thẩm.

[8] Do thời gian chậm trả được tính từ ngày 02/11/2023 tới ngày xét xử sơ thẩm (ngày 29/4/2026) là 27 tháng 27 ngày nên tiền lãi được tính như sau: (120.000.000 đồng x 0,83%/tháng) x 27 tháng 27 ngày = 27.788.400 đồng.

[8] Từ những nhận định trên, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn anh Nguyễn Huy H phải có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị N số tiền vay gốc là 120.000.000 đồng, khoản tiền lãi chậm trả từ ngày vay đến ngày xét xử sơ thẩm 27.788.400 đồng, tổng là 147.788.400 đồng.

[9] Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bổ sung yêu cầu khởi kiện, yêu cầu vợ của anh Nguyễn Huy H phải có nghĩa vụ liên đới cùng anh H trả khoản nợ gốc và lãi cho bà N theo quy định. Xét thấy, yêu cầu của phía nguyên đơn tại phiên tòa vượt quá yêu cầu khởi kiện ban đầu; hơn nữa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn không cung cấp được thông tin họ tên, năm sinh, nơi cư trú của vợ anh H. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét yêu cầu này của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn.

[10] Án phí dân sự sơ thẩm: Bà N phải chịu số tiền không được chấp nhận 22.319.400 đồng, tương đương số tiền 1.115.970 đồng, được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí bà N đã nộp 4.166.150 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0012737 ngày 29/12/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai; hoàn trả cho bà N số tiền 3.050.180 đồng.

Anh H phải chịu án phí đối với số tiền phải có nghĩa vụ trả cho bà N tương đương 7.389.420 đồng.

[11] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12- Đồng Nai tại phiên tòa là có căn cứ nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 235 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các điều 463; 466, 468, 469 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị N.

Buộc anh Nguyễn Huy H trả cho bà Nguyễn Thị N tổng số tiền 147.788.400 đồng (*Một trăm bốn mươi bảy triệu, bảy trăm tám mươi tám nghìn, bốn trăm đồng*). Trong đó số tiền vay gốc là 120.000.000 đồng (*Một trăm hai mươi triệu đồng*), tiền

lãi chậm trả đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 29/4/2026) là 27.788.400 đồng (*Hai mươi bảy triệu, bảy trăm tám mươi tám nghìn, bốn trăm nghìn đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 của Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị N phải chịu 1.115.970 đồng (*Một triệu, một trăm mười lăm nghìn, chín trăm bảy mươi đồng*), được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí bà N đã nộp 4.166.150 đồng (*Bốn triệu, một trăm sáu mươi sáu nghìn, một trăm năm mươi đồng*) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0012737 ngày 29/12/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai; hoàn trả cho bà N số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.050.180 đồng (*Ba triệu, không trăm năm mươi nghìn, một trăm tám mươi nghìn đồng*).

Anh Nguyễn Huy H phải chịu 7.389.420 đồng (*Bảy triệu, ba trăm tám mươi chín nghìn, bốn trăm hai mươi đồng*).

Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND khu vực 12- Đồng Nai;
- THADS tỉnh Đồng Nai;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Trương Thị Đào